TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DSST
Ngày: 31/5/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận.

Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên toà: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2022/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2022/QĐST-DS, ngày 16/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần H; Trụ sở: 54A đường T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Đức Q - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng quản lý tín dụng, theo văn bản ủy quyền số 3897/2020/UQ-TGĐ12 ngày 20/7/2020; Ủy quyền cho ông Nguyễn Như T, ông Nguyễn Duy K, ông Đào Ngọc T, chức vụ: Chuyên viên; Địa chỉ: Số 224 đường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng, theo văn bản ủy quyền số 5739/2021/UQ-TGĐ12 ngày 27/8/2021.Ông T Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị Ánh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 90 phường X, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn như sau:

Ngày 26/12/2016 bà Trịnh Thị Ánh T đã ký kết Hợp đồng cho vay số 26.12/2016/HĐCV nội dung bà Trịnh Thị Ánh T vay của Ngân hàng H số tiền 175.000.000đ; thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay mua sắm đồ gia dụng, sửa chữa nhà ở; lãi suất cho vay lãi suất cố định theo Giấy nhận nợ số 26.12/2016/CVCN- ngày 26/12/2016 là 21,5%/năm tính trên dư nợ thực tế giảm

dần. Quá trình thực hiện Hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho bà T số tiền 175.000.000đ và đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc 45.910.299đ; tiền lãi trong hạn 64.114.617đ; lãi quá hạn 149.040đ, tổng cộng 110.173.956đ. Đến ngày 31/5/2022 Bà T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 129.089.701đ; lãi trong hạn 99.385.450đ; lãi quá hạn 20.694.473đ. Tổng cộng 249.169.624đ.

Ngày 23/12/2016 giữa Ngân hàng và bà T còn ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 23.12/2016/MSB-TTAT, hạn mức cấp thẻ tín dụng 10.000.000đ, hạn mức duy trì sử dụng 36 tháng. Quá trình thực hiện Hợp đồng bà T đã chi tiêu các khoản là 25.954.823đ; trong đó lãi trong hạn 15.877.992đ; lãi quá hạn 1.920.337đ và đã thanh toán được số tiền gốc 20.462.388đ; lãi trong hạn 11.024.161đ; phí trễ hạn 1.462.584đ, tổng cộng đã trả 32.949.133đ. Số tiền còn nợ tiền gốc 5.492.435đ; tiền lãi trong hạn 4.853.831đ; phí trễ hạn 457.753đ. Tổng cộng 10.804.019đ. Tổng cộng còn nợ của hai Hợp đồng nêu trên là 259.973.643đ; trong đó tiền gốc 134.582.136đ; lãi trong hạn 104.239.281đ; lãi quá hạn và phí 21.152.226đ (lãi tính đến ngày 31/5/2022). Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị Ánh T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ trên.

Bị đơn Bà Trịnh Thị Ánh T, mặc dù Toà án đã tống đạt và niêm yết thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng nhưng bà T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc bà T phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng bao gồm cả gốc và lãi cả hai Hợp đồng là 259.973.643đ; trong đó nợ gốc 134.582.136đ và nợ lãi trong hạn là: 104.239.281đ, lãi quá hạn và phí 21.152.226đ (lãi tính đến ngày 31/5/2022), bà Trịnh Thị Ánh T còn phải trả lãi và phí cho Ngân hàng kể từ ngày 01/6/2022 trên số tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 23.12/2016/MSB-TTAT và Hợp đồng cho vay số 26.12/2016/HĐCV, khế ước nhận nợ số 26.12/2016/CVCN- ngày 26/12/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Trịnh Thị Ánh T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Theo Hợp đồng cho vay số 26.12/2016/HĐCV, ngày 26/12/2016 và khế ước nhận nợ số 26.12/2016/CVCN - ngày 26/12/2016 giữa Ngân hàng H và bà Trịnh Thị Ánh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nội dung Ngân hàng cho bà T vay số tiền 175.000.000đ; thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay mua sắm đồ gia dụng, sửa chữa nhà ở; lãi suất cho vay cố định cụ thể tại khế ước nhận nợ số 26.12/2016/CVCN- ngày 26/12/2016 là 21,5%/năm tính trên dư nợ thực tế giảm dần. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và gốc như đã cam kết, tính đến ngày 31/5/2022 bà T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 129.089.701đ; lãi trong hạn 99.385.450đ; lãi quá hạn 20.694.473đ. Tổng cộng 249.169.624đ.

Theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 23.12/2016/MSB-TTAT, hạn mức cấp thẻ tín dụng 10.000.000đ, hạn mức duy trì sử dụng 36 tháng. Quá trình thực hiện Hợp đồng bà T đã chi tiêu các khoản là 25.954.823đ; trong đó lãi trong hạn 15.877.992đ; lãi quá hạn 1.920.337đ và đã thanh toán được số tiền gốc 20.462.388đ; lãi trong hạn 11.024.161đ; phí trễ hạn 1.462.584đ. Tổng cộng đã trả 32.949.133đ. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả số tiền nợ hàng tháng theo các kỳ sao kê. Tính đến ngày sao kê 31/5/2022 bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc 5.492.435đ; tiền lãi trong hạn 4.853.831đ; phí trễ hạn 457.753đ. Tổng cộng 10.804.019đ.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bà T phải thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng và yêu cầu bà T phải trả lãi và các khoản phí cho Ngân hàng kể từ ngày 01/6/2022 trên số tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 23.12/2016/MSB-TTAT và Hợp đồng cho vay số 26.12/2016/HĐCV, khế ước nhận nợ số 26.12/2016/CVCN- ngày 26/12/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4] Xét yêu cầu của Nguyên đơn thì thấy: Theo Hợp đồng cho vay số 26.12/2016/HĐCV, ngày 26/12/2016 và khế ước nhận nợ số 26.12/2016/CVCN - ngày 26/12/2016 Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 23.12/2016/MSB-TTAT, giữa Ngân hàng H và bà Trịnh Thị Ánh T là hợp đồng vay tín chấp không có đảm bảo bằng tài sản, phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà T số tiền 175.000.000đ và đã cấp hạn mức sử dụng thẻ tín dụng cho bà T là 10.000.000đ bà T đã nhận đủ số tiền và sử dụng thẻ tín dụng. Quá trình thực hiện Hợp đồng bà tuyết đã trả được số tiền của Hợp đồng cho vay cả gốc và lãi là 110.173.956đ và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 32.949.133đ. Tính đến ngày 31/5/2022 bà T còn nợ Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi lãi của Hợp đồng cho vay là 249.169.624đ và

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 10.804.019đ. Kể từ 20/01/2017 bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả của hai Hợp đồng nêu trên nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H, buộc bà Trịnh Thị Ánh T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của hai Hợp đồng nêu trên cả gốc và lãi là 259.973.643đ; trong đó nợ gốc 134.582.136đ và nợ lãi trong hạn là: 104.239.281đ, lãi quá hạn và phí 21.152.226đ (lãi tính đến ngày 31/5/2022), bà Trịnh Thị Ánh T còn phải trả lãi và phí cho Ngân hàng kể từ ngày 01/6/2022 trên số tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 23.12/2016/MSB-TTAT và Hợp đồng cho vay số 26.12/2016/HĐCV, khế ước nhận nợ số 26.12/2016/CVCN- ngày 26/12/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015

[5] Về án phí DSST: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả 259.973.643đ x 5% = 12.998.682đ.

[6] Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.713.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP H đối với bị đơn bà Trịnh Thị Ánh T**.**

2. Xử: Buộc bà Trịnh Thị Ánh T phải trả cho Ngân hàng TMCP H số tiền: 259.973.643đ (Hai trăm năm mươi chín triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng); trong đó nợ gốc 134.582.136đ và nợ lãi trong hạn là: 104.239.281đ, lãi quá hạn và phí 21.152.226đ (lãi tính đến ngày 31/5/2022).

Bà Trịnh Thị Ánh T còn phải trả lãi và các khoản phí khác phát sinh (nếu có) cho Ngân hàng kể từ ngày 01/6/2022 trên số tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng cho vay số 26.12/2016/HĐCV, ngày 26/12/2016 và khế ước nhận nợ số 26.12/2016/CVCN - ngày 26/12/2016 Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 23.12/2016/MSB-TTAT mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm: 12.998.682đ (Mười hai triệu chín trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi hai đồng) bà Trịnh Thị Ánh T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP H số tiền tạm ứng án phí 5.713.000đ (Năm triệu bảy trăm mười ba ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê theo biên lai thu số 0002422 ngày 13 tháng 12 năm 2021.

Án xử công khai sơ thẩm Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKS nhân dân quận Thanh Khê ĐN;
- THA dân sự quận Thanh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

Lưu Thị Hằng